

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC TÀI CHÍNH GIAI ĐOẠN 2011 - 2020 VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN THÚY QUỲNH

Sau 10 năm thực hiện Chiến lược tài chính giai đoạn 2011-2020, đến năm 2020, nền tài chính quốc gia đã có những chuyển biến rõ nét, thể chế tài chính – ngân sách nhà nước theo nguyên tắc thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hỗ trợ quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng, phù hợp các điều kiện cụ thể của đất nước trong từng giai đoạn và từng bước tiệm cận với thông lệ quốc tế; Tiềm lực tài chính quốc gia tiếp tục được củng cố; Cơ chế, chính sách tài chính – ngân sách nhà nước đã góp phần tích cực huy động mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển... Tuy nhiên, nền tài chính quốc gia cũng phải đối mặt và giải quyết không ít khó khăn do các biến động bất lợi của tình hình kinh tế xã hội trong nước và quốc tế.

Từ khóa: Chiến lược tài chính, cơ chế, chính sách, tài chính - ngân sách

THE RESULTS OF FINANCIAL STRATEGY 2011-2020 AND THE RELATED ISSUES

Nguyen Thuy Quynh

After 10 years implementing the financial strategy, by 2020, the national financial system has made definite changes; the financial institutions and the state budget follow the principles of the socialist-oriented market; contribute positively to the process of economic restructure and growth model transformation; conform with specific conditions of the country and gradually approach to international practices; national financial potential continues to be strengthened; state finance and budget mechanism and policies have contributed to mobilizing resources for development investment ... However, the national finance has also faced and solved many difficulties due to adverse changes in the domestic and international socio-economic situation.

Keywords: Financial strategy, mechanism, policy, finance – budget

Ngày nhận bài: 7/12/2020

Ngày hoàn thiện biên tập: 28/12/2020

Ngày duyệt đăng: 11/1/2021

Những kết quả đạt được

Quá trình xây dựng và triển khai thực hiện Chiến lược tài chính (CLTC) giai đoạn 2011-2020 diễn ra

trong bối cảnh nền kinh tế trong nước có những thay đổi sâu, rộng trên nhiều mặt, thể chế kinh tế thị trường (KTTH) định hướng XHCN không ngừng phát triển và hoàn thiện. Đây là giai đoạn nền tài chính quốc gia phải đối mặt và giải quyết không ít khó khăn do các biến động bất lợi của tình hình kinh tế-xã hội (KT-XH) trong nước và quốc tế. Những năm đầu thực hiện CLTC 2011-2020, kinh tế trong nước nói chung và ngành Tài chính nói riêng tiếp tục chịu tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008-2009. Khủng hoảng nợ công diễn ra trầm trọng ở nhiều quốc gia, kinh tế thế giới phục hồi chậm, rủi ro trên thị trường tài chính, tiền tệ quốc tế gia tăng. Những năm gần đây, việc thực hiện CLTC giai đoạn 2011-2020 tiếp tục gặp những khó khăn là căng thẳng thương mại giữa Mỹ và Trung Quốc khiến cho hoạt động thương mại toàn cầu chững lại. Đặc biệt, đại dịch Covid-19 xảy ra vào năm 2020 trên toàn cầu ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các quốc gia và khu vực...

Là nước có độ mở thương mại cao, trong khi sức chống chịu của nền kinh tế còn thấp, các biến động bên trong và bên ngoài nền kinh tế đã ảnh hưởng đáng kể đến tình hình phát triển KTXH cũng như các mục tiêu CLTC của Việt Nam. Mặc dù vậy, căn cứ vào các mục tiêu được đặt ra tại Quyết định số 450/2012/QĐ-TTg ngày 18/04/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt CLTC Việt Nam đến năm 2020, tính đến thời điểm hiện tại, có thể thấy ngành Tài chính đã đạt được một số kết quả cụ thể như sau:



Thế chế tài chính – ngân sách nhà nước (NSNN) được đẩy mạnh hoàn thiện theo nguyên tắc thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hỗ trợ tích cực cho quá trình tái cơ cấu nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng.

Việc hoàn thiện thể chế trong lĩnh vực tài chính-ngân sách nhà nước (NSNN) trong giai đoạn vừa qua luôn gắn với yêu cầu về cơ cấu lại ngân sách và nợ công, đổi mới khu vực sự nghiệp, tinh gọn bộ máy hành chính hiệu lực, hiệu quả; đẩy mạnh cơ chế khoán, đấu thầu, đặt hàng, triển khai các kế hoạch trung hạn, tăng cường công khai, minh bạch tài chính, hướng tới phát triển bền vững. Từ năm 2011-2020, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ để trình Quốc hội thông qua 21 luật, 11 nghị quyết; trình Chính phủ để trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua 13 nghị quyết; trình Chính phủ ban hành 258 nghị định, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành 151 quyết định và ban hành theo thẩm quyền 1899 thông tư, thông tư liên tịch. Nhờ đó, hệ thống thể chế trong lĩnh vực tài chính ngày càng được hoàn thiện, phù hợp với quá trình phát triển của kinh tế thị trường (KTTH) và yêu cầu hội nhập quốc tế...

Tiềm lực tài chính quốc gia được tăng cường và củng cố.

Tiềm lực tài chính nhà nước tiếp tục được tăng cường, quy mô NSNN đã được mở rộng. Quy mô thu NSNN 10 năm (2011-2020) cao gấp 3,8 lần so với giai đoạn 2001-2010; trong đó, thu nội địa khoảng 5,1 lần, thu từ đầu thô khoảng 1,3 lần và thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu khoảng 2,9 lần. Tỷ lệ huy động vào NSNN giai đoạn 2011-2020 ước bình quân khoảng 24,4% GDP (giảm 1,3% GDP so với giai đoạn 2001-2010 là 25,7% GDP); trong đó, từ thuế, phí là 20,7% GDP (giảm 1,7% GDP so với giai đoạn 2001-2010 là 22,4% GDP), cơ bản đạt được mục tiêu đề ra (mục tiêu theo Nghị quyết số 07-NQ/TW của Bộ Chính trị là 21% GDP; theo Nghị quyết số 25/2016/QH14 là 23,5% GDP - từ thuế, phí khoảng 21% GDP).

Cơ cấu thu NSNN bền vững hơn, đảm bảo theo đúng định hướng Chiến lược cải cách hệ thống thuế là tăng dần tỷ trọng từ nguồn thu trong nước để bù đắp thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu giảm do tham gia hội nhập quốc tế ngày càng sâu và sự biến động của giá dầu thế giới; phù hợp với mục tiêu định hướng sắp xếp, cổ phần hóa DNNN, tăng cường thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước cho đầu tư phát triển. Thu nội địa chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong tổng thu NSNN, bình quân đạt 76,6% (giai đoạn 2001-2010 đạt 57,6%); trong đó, giai đoạn 2011-2015 là 68,7%; giai đoạn 2016-2020 khoảng 81,5%, dự kiến đến năm 2020 đạt trên 84%, đạt mục tiêu trước 5 năm theo

CLTC là đến năm 2020 đạt trên 80% (năm 2016 đã đạt 80,5%), cơ bản hoàn thành mục tiêu theo Nghị quyết số 07-NQ/TW là đến năm 2020 đạt 84-85%. Theo phân cấp thu NSNN, thu ngân sách địa phương (NSDP) có xu hướng tăng dần theo các giai đoạn cả về quy mô và tỷ trọng, số địa phương tự cân đối được thu-chi ngân sách tăng lên, tạo sự chủ động cho các chính quyền địa phương trong thực hiện các nhiệm vụ phát triển KT-XH.

Tổng mức dự trữ quốc gia (DTQG) tiếp tục được phát triển và củng cố (Đến cuối năm 2020 đã tăng gấp 1,22 lần năm 2015 và gấp khoảng 1,67 lần so với năm 2010), góp phần tạo sự chủ động cho Chính phủ trong việc quản lý, điều hành, xuất cấp, phân phối, sử dụng hàng DTQG.

Tiềm lực tài chính doanh nghiệp (DN) được phát triển. Số lượng DN thành lập mới không ngừng tăng lên qua các năm. Tuy nhiên, trong năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, số lượng DN thành lập mới giảm so với cùng kỳ. Cụ thể, theo số liệu thống kê, tổng số DN thành lập mới trong năm 2020 là 134,9 nghìn DN với tổng số lao động đăng ký là khoảng 1.043 nghìn lao động, giảm 2,3% về số DN và giảm 16,9% về số lao động. Mặc dù vậy, tổng số vốn đăng ký vẫn có xu hướng tăng, với mức hơn 2.235,6 nghìn tỷ đồng - tăng 29,2% về vốn đăng ký. Quá trình tích tụ và tập trung vốn của các DN cũng diễn ra nhanh. Quy mô vốn chủ sở hữu của các tập đoàn, tổng công ty nhà nước không ngừng được mở rộng. Cơ cấu lại DN nhà nước được đẩy mạnh và đi vào thực chất hơn. DN nhà nước đã giảm mạnh về số lượng, đặc biệt là những DN quy mô nhỏ, kém hiệu quả, DN ở các lĩnh vực Nhà nước không cần nắm giữ. Giai đoạn 2011-2019, cổ phần hóa được 679 DN nhà nước với tổng thu từ cổ phần hóa, thoái vốn đạt 303 nghìn tỷ đồng.

Khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã có bước phát triển cả về số lượng và chất lượng, xuất hiện nhiều mô hình mới, hiệu quả. Kinh tế tư nhân đạt được tốc độ tăng trưởng khá, chiếm tỷ trọng 43% GDP, thu hút khoảng 85% lực lượng lao động, góp phần quan trọng trong huy động các nguồn lực xã hội, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và tạo việc làm, thu nhập cho người lao động.

Cơ chế tự chủ tài chính đối với các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được đẩy mạnh.

Trong giai đoạn 2011-2020, cơ chế tài chính đối với lĩnh vực sự nghiệp công tiếp tục được đổi mới theo hướng tập trung vào việc tăng cường trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm cho các đơn vị sự nghiệp

công lập, trong đó giao quyền tự chủ tài chính đã tạo điều kiện cho đơn vị sự nghiệp công lập phát triển nguồn thu, bù đắp một phần nhu cầu tiền lương tăng thêm theo quy định của Chính phủ, giảm chi NSNN. Đồng thời, các giải pháp để đảm bảo nguồn lực cho cải cách tiền lương và củng cố hệ thống an sinh xã hội đã được thực hiện có hiệu quả.

Hình thành đồng bộ các loại hình thị trường tài chính và dịch vụ tài chính.

Cấu trúc của thị trường tài chính và dịch vụ tài chính đã từng bước được hoàn chỉnh phù hợp với khả năng quản lý, giám sát của Nhà nước. Trong những năm qua, thị trường chứng khoán (TTCK) đã trở thành kênh huy động vốn trung hạn quan trọng cho nền kinh tế, hỗ trợ cho việc thực hiện công tác cổ phần hóa các DN nhà nước được thuận lợi, bảo đảm công khai, minh bạch; thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, DN. Quy mô vốn hóa thị trường tính đến ngày 31/12/2020 đạt gần 87,7% GDP năm 2019 và 84,1% GDP năm 2020, đạt được mục tiêu về quy mô vốn hóa TTCK đã đề ra tại CLTC (khoảng 70% GDP vào năm 2020). Thanh khoản tăng và duy trì ổn định với giá trị giao dịch bình quân phiên năm 2020 đạt trên 7.420 tỷ đồng, gấp 3 lần so với năm 2010. Thị trường được điều hành linh hoạt, phù hợp, kịp thời, đặc biệt là vào những lúc khó khăn do tác động quốc tế, tình hình dịch Covid-19, qua đó giúp đảm bảo sự an toàn, bền vững.

Thị trường bảo hiểm và dịch vụ tài chính tiếp tục mở rộng về quy mô và phạm vi hoạt động, góp phần quan trọng trong việc thực hiện các mục tiêu về phát triển KT-XH của đất nước. Trong đó, Thị trường bảo hiểm ngày càng phát triển, chất lượng dịch vụ bảo hiểm được nâng cao, góp phần hỗ trợ DN, tái đầu tư cho nền kinh tế

Chủ động hội nhập quốc tế; đa dạng hóa nội dung, hình thức và các đối tác hợp tác quốc tế về tài chính.

Trong thời gian qua, Bộ Tài chính đã chủ động hội nhập quốc tế thông qua tham gia đàm phán, ký kết các Hiệp định thương mại tự do (FTA) trong các lĩnh vực thuế quan và dịch vụ tài chính. Số lượng các hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam tham gia không ngừng tăng lên. Việt Nam đã trở thành

thành viên của 16 Hiệp định thương mại tự do (FTAs) đa phương và song phương với hơn 60 đối tác thương mại hàng đầu trên thế giới. Việc tham gia vào các hiệp định thế hệ mới này đã giúp Việt Nam hội nhập sâu rộng vào kinh tế quốc tế, mở ra nhiều thị trường rộng lớn cho DN trong nước, đồng thời đa dạng hoá đối tác quốc tế, giúp giảm dần sự lệ thuộc vào một số thị trường truyền thống như Trung Quốc hay Hoa Kỳ, qua đó góp phần cải thiện an ninh kinh tế, giảm tác động của những biến động từ môi trường quốc tế tới nền kinh tế trong nước.

Hợp tác tài chính trong các khuôn khổ đa phương và song phương được chú trọng tăng cường. Trong thời gian qua, thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Tài chính đã đăng cai chủ trì các tiến trình hợp tác tài chính đa phương như Tiến trình Bộ trưởng Tài chính APEC 2017, chủ trì tiến trình Hội nghị Bộ trưởng Tài chính ASEAN 2020, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trong khu vực, qua đó thúc đẩy các lĩnh vực hợp tác tài chính đa phương.

An ninh tài chính quốc gia được đảm bảo.

Cân đối ngân sách tích cực, nợ công đảm bảo trong giới hạn an toàn và được quản lý chặt chẽ. Nếu giai đoạn 2011-2015, bội chi NSNN cao hơn so với mục tiêu nhiệm vụ đã đề ra tại CLTC, thì đến giai đoạn 2016-2020, bội chi NSNN bình quân khoảng 3,8-3,9% GDP; đảm bảo mục tiêu của CLTC và Nghị quyết số 07-NQ/TW đến năm 2020 xuống dưới 4% GDP đề ra. Tốc độ tăng nợ công có xu hướng giảm dần, từ mức bình quân 18,1%/năm giai đoạn 2011-2015 xuống còn khoảng 6,8%/năm giai đoạn 2016-2019 (khoảng 6,6%

HÌNH: MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ VĨ MÔ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2011-2020

	2011	2015	2020
Tăng trưởng (% tăng GDP)	6,24	6,68	2,91
Tốc độ tăng Chỉ số sản xuất công nghiệp (%)	-	9,8	3,4
Bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (% tăng)¹	4,7	8,4	-1,2
Tổng vốn đầu tư toàn XH (% GDP)	33,3	32,6	34,4
Lạm phát (%)²	18,13	0,6	3,23
Cán cân thương mại (tỷ USD)	-9,84	-3,55	19,1
Xuất khẩu (% tăng kim ngạch)	34,2	7,9	6,5
Nhập khẩu (% tăng kim ngạch)	25,8	12,0	3,6
Bội chi NSNN (%GDP)	4,4	6,11	4,2 (dự kiến)
Nợ công (%GDP)	50,0	61,0	56,8-57,4 (ước thực hiện)

Nguồn: Tổng cục Thống kê

Chú thích: 1. Tốc độ tăng (đã loại trừ yếu tố giá) so với cùng kỳ năm trước;

2. % tăng CPI so tháng 12 năm, từ năm 2017 là giá trị bình quân.



nếu tính cả giai đoạn 2016-2020). Đến cuối năm 2020 ước thực hiện chỉ tiêu nợ công so với GDP khoảng 55,8%, nợ Chính phủ so với GDP khoảng 49,6%, nợ nước ngoài quốc gia so với GDP khoảng 47,8%. Cơ cấu nợ công bền vững hơn...

Đẩy mạnh cải cách hành chính trong lĩnh vực tài chính.

Trong những năm qua, ngành Tài chính đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, các quy trình quản lý hiện đại vào công tác quản lý tài chính - NSNN. Đã thực hiện xây dựng Chính phủ điện tử ngành Tài chính, xây dựng hệ thống thông tin báo cáo kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, triển khai cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN... Với những nỗ lực trên, trong 7 năm liên Bộ Tài chính dẫn đầu khối các bộ, ngành về chỉ số mức độ sẵn sàng ứng dụng CNTT. Cùng với đó, toàn ngành Tài chính đã chú trọng rà soát, cắt giảm nhiều điều kiện kinh doanh, triển khai cơ chế một cửa trong giải quyết TTHC, triển khai mạnh mẽ dịch vụ công trực tuyến. Thời gian nộp thuế đã giảm được 300 giờ từ 537 giờ năm 2014 xuống còn 237 giờ năm 2020; thời gian tiếp nhận và thông qua đối với hàng hóa luồng xanh chỉ còn từ 01-03 giây.

Về công tác xây dựng bộ máy tinh gọn, đến tháng 3/2020, Bộ Tài chính đã thực hiện sắp xếp, cắt giảm được trên 5.641 đầu mối các đơn vị từ cấp trung ương đến cấp tổ (đội) tại địa phương; giảm 4.543 vị trí lãnh đạo quản lý. Thực hiện tốt các nghị quyết của Trung ương về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đến năm 2020 Bộ Tài chính đã giảm được 8,7%, phấn đấu đến năm 2021 tối thiểu giảm 10% biên chế được giao so với năm 2015.

Những vấn đề đặt ra

Tuy đạt được các kết quả tích cực, quá trình thực hiện CLTC đến năm 2020 cho thấy một số tồn tại, đó là:

- Hệ thống chính sách động viên cần được tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện; xử lý những bất cập về ưu đãi thuế; chuyển giá, trốn thuế, nợ thuế còn phức tạp... Hiệu quả, hiệu lực chi NSNN còn thấp; cơ cấu đầu tư công bất cập, phân bổ vốn còn dàn trải, giải ngân chậm, chuyển nguồn còn lớn... Đa phần các khoản chi NSNN hiện được kiểm soát theo các yếu tố đầu vào (tiêu chuẩn, chế độ, định mức), chưa có cơ sở pháp lý hoàn chỉnh cho việc kiểm soát chi tiêu NSNN theo kết quả thực hiện nhiệm vụ tại từng bộ, ngành, đơn vị sử dụng ngân sách nên việc đánh giá hiệu quả chi tiêu còn hạn chế. Công tác báo cáo, đặc biệt là báo cáo tài chính

nhà nước tiếp tục được hoàn thiện, nên chất lượng và hiệu quả còn khoảng cách so với các nước phát triển. Nghĩa vụ trả nợ công hàng năm ở mức cao và có xu hướng tăng trong khi khả năng tiếp cận nguồn vốn vay ưu đãi giảm... Quản lý tài sản công và các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách còn nhiều bất cập. Đối với một số dịch vụ công (y tế, giáo dục...) việc thực hiện lộ trình giá thị trường còn chậm do việc điều chỉnh giá các dịch vụ theo lộ trình này cần đảm bảo phù hợp với tình hình KT-XH, mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, an sinh xã hội trong từng giai đoạn.

- Đổi mới khu vực sự nghiệp công lập chậm, chưa đạt yêu cầu theo các nghị quyết của Trung ương. Các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập phát triển còn hạn chế, chủ yếu tập trung vào ở khu vực địa phương có kinh tế phát triển, các thành phố lớn. Các dịch vụ sự nghiệp công chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển của nền kinh tế; xóa đói, giảm nghèo còn chưa bền vững. Việc xã hội hóa các dịch vụ sự nghiệp công và tham gia của khu vực ngoài nhà nước chưa tích cực.

- Công tác cổ phần hóa DNNN còn chậm và không đạt tiến độ đề ra, số DN thua lỗ lớn, có nguy cơ mất vốn còn cao... Quá trình thoái vốn đầu tư ngoài ngành còn gặp khó khăn.

- Thị trường tài chính chưa thực sự cân đối; phát triển chưa ổn định; chi phí vốn cho nền kinh tế cao; thị trường vốn quy mô còn nhỏ so với tiềm năng và quy mô thị trường của các nước trong khu vực. Quy mô thị trường còn hạn chế so với các nước trên thế giới; năng lực cạnh tranh của các DN bảo hiểm trong nước còn thấp so với các tập đoàn lớn của nước ngoài, chưa có đủ nguồn nhân lực chất lượng cao.

- Hệ thống thanh tra, giám sát tài chính vẫn còn chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế; sự phối kết hợp giữa các cơ quan chức năng trong giám sát tài chính trong một số khâu còn yếu và chậm có giải pháp khắc phục. Công tác cải cách hành chính, bộ máy trong lĩnh vực quản lý tài chính ở một số khâu còn thiếu tính đột phá và chưa theo kịp với thực tiễn phát sinh trong điều hành KTXH.

Định hướng xây dựng Chiến lược tài chính giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045

Giai đoạn 2021-2030, tình hình kinh tế-chính trị trên thế giới và khu vực trong giai đoạn tới sẽ còn diễn biến phức tạp, khó lường. Tác động của đại dịch Covid-19 tới tăng trưởng kinh tế thế giới là nghiêm trọng và có thể kéo dài, tạo ra những rủi ro bất ổn về chính trị - xã hội, cân đối tài chính-tiền tệ. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn biến

rất nhanh, mở ra nhiều cơ hội nhưng cũng kèm theo nhiều thách thức cho tất cả các nền kinh tế. Biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh đang đặt ra nhiều thách thức cho phát triển bền vững. Tình hình biến Đông diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường, đe dọa nghiêm trọng đến hòa bình, ổn định của khu vực và môi trường đầu tư phát triển.

Ở trong nước, sau gần 35 năm đổi mới, thể và lực của đất nước đã được cải thiện mạnh mẽ. Việc duy trì môi trường hoà bình, ổn định chính trị, đảm bảo các cân đối vĩ mô vẫn là những yếu tố thuận lợi căn bản, tạo niềm tin của cộng đồng DN và người dân. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn còn tồn tại, hạn chế và tiềm ẩn nhiều rủi ro, nguy cơ tụt hậu còn lớn; hiệu quả và sức cạnh tranh còn thấp, độ mở nền kinh tế cao, khả năng chống chịu, thích ứng với tác động bên ngoài còn yếu. Già hóa dân số tăng nhanh dẫn đến áp lực lên hệ thống an sinh xã hội và tác động đến tăng trưởng kinh tế. Bên cạnh đó, tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, ô nhiễm môi trường, các rủi ro về quốc phòng, an ninh cũng là những lực cản cho phát triển kinh tế, tạo sức ép lớn về tài chính-ngân sách. Chiến lược phát triển kinh tế xã hội giai đoạn 2021-2030 đặt ra mục tiêu đến năm 2030 nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao, do vậy để phục vụ tích cực cho các mục tiêu này, quá trình xây dựng CLTC giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045 sẽ phải dựa trên các định hướng chủ đạo sau:

Thứ nhất, tăng cường hiệu lực, hiệu quả thể chế tài chính; củng cố các cân đối tài chính vĩ mô. Thực hiện chính sách tài khóa và tiền tệ chặt chẽ, chủ động; tăng cường hiệu quả phối hợp giữa chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, đảm bảo duy trì, củng cố và ổn định kinh tế vĩ mô.

Thứ hai, tiếp tục thực hiện cơ cấu lại NSNN, xây dựng hệ thống thuế đồng bộ, có cơ cấu bền vững, đảm bảo nhu cầu chi tiêu cần thiết, hợp lý của NSNN. Đơn giản hóa hệ thống chính sách ưu đãi thuế. Thực hiện đồng bộ giải pháp về quản lý, huy động những nguồn lực tài chính quốc gia từ tài sản công, tài nguyên.

Thứ ba, đổi mới, hoàn thiện thể chế về quản lý NSNN. Nâng cao vai trò định hướng của nguồn lực tài chính nhà nước trong phát triển KT-XH gắn với thúc đẩy hợp tác theo hình thức PPP, thu hút sự tham gia đầu tư của khu vực tư nhân. Đổi mới phân cấp quản lý NSNN, phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi nhằm mục tiêu đảm bảo vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương.

Thứ tư, tăng cường quản lý, sắp xếp, khai thác và

sử dụng có hiệu quả tài sản công. Mở rộng, nâng cấp Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong quản lý, sử dụng tài sản công.

Thứ năm, thực hiện tái cấu trúc DN nhà nước; đổi mới quản lý vốn nhà nước đầu tư tại DN; Nâng cao năng lực quản trị, hiệu quả sản xuất kinh doanh của DNNN; Xây dựng và hoàn thiện thể chế quản lý vốn nhà nước tại DN. Đến năm 2025 cơ bản thực hiện xong chiến lược tái cơ cấu DNNN.

Thứ sáu, tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về phát triển và cơ cấu lại thị trường tài chính, bảo hiểm và phát triển các dịch vụ tài chính, tiếp cận gần hơn với các thông lệ và chuẩn mực quốc tế. Phát triển đồng bộ thị trường dịch vụ kế toán, kiểm toán.

Thứ bảy, đẩy mạnh hoạt động hợp tác và chủ động hội nhập quốc tế về tài chính. Chủ động đề xuất và tích cực tham gia các chương trình hợp tác quốc tế, nâng cao tiếng nói và vị thế của Việt Nam trên các diễn đàn hợp tác tài chính quốc tế. Hoàn thành lộ trình cắt giảm thuế nhập khẩu của Việt Nam theo cam kết.

Thứ tám, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước và hiện đại hóa công tác thanh tra, kiểm tra tài chính, phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống buôn lậu, gian lận thương mại. Tăng cường thực hiện chế độ công khai tài chính, ngân sách.

Thứ chín, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng CNTT. Tăng cường tích hợp, kết nối chia sẻ thông tin dữ liệu với các bộ, ngành, địa phương; Kiện toàn, tinh gọn bộ máy của Bộ Tài chính đảm bảo hiệu lực, hiệu quả, thông suốt, đáp ứng yêu cầu cải cách, hiện đại hóa Ngành và hội nhập kinh tế quốc tế; Thực hiện tinh giản biên chế, gắn tinh giản biên chế với sắp xếp, tinh gọn bộ máy.

Tài liệu tham khảo:

1. Chính phủ, Quyết định số 450/2012/QĐ-TTg, Chiến lược Tài chính Việt Nam đến năm 2020;
2. Tổng cục Thống kê: Niên giám Thống kê hàng năm;
3. Nguyễn Việt Lợi (2019), "Tài chính Việt Nam 2018: Dịch chuyển bao trùm, Phát triển bền vững", Nhà xuất bản Tài chính, Hà Nội;
4. Nguyễn Thị Hải Thu (2019), đánh giá nền tài chính Việt Nam sau 10 năm thực hiện Chiến lược Tài chính đến năm 2020.

Thông tin tác giả:

ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh - Ban Kinh tế vĩ mô và dự báo
Viện Chiến lược và Chính sách tài chính, Bộ Tài chính
Email: nguyenthuyquynh@mof.gov.vn